

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2018
V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Báu.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Păng Ting Nôck;

2. Ông Nguyễn Tiến Hường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tài – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông K’ Mích – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 245/2018/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị T1**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Đường N, Phường D, thành phố Đ.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Xuân T2**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Đường A, Phường Đ, thành phố Đ.

(bà T1 có mặt, ông T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T1 và ông T2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố Đ vào ngày 04/8/2010. Hôn nhân tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại đường L, Phường C, thành phố Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian

ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà T1 đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Xuân T2.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Lê Khánh Đ, sinh ngày 18/9/2009 và cháu Phạm Lê Khánh T, sinh ngày: 31/3/2013, hiện hai cháu đang sống cùng bà T1. Khi ly hôn bà T1 có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tòa án nhân dân thành phố Đ đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng ông Phạm Xuân T2 không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình; cũng không đến Tòa án nhân dân thành phố Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự về phía nguyên đơn chấp hành đúng, riêng bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định; về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị T1 đối với ông Phạm Xuân T2 và giao 02 con chung cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp, không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Lê Thị T1 có mặt; Bị đơn là ông Phạm Xuân T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Trên cơ sở trích lục kết hôn số 118/TLKH-BS ngày 18/4/2018 của Ủy ban nhân dân xã Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng thì ông Phạm Xuân T2 và bà Lê Thị T1 có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 8 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố Đ, hôn nhân tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo

phong tục tập quán, hiện nay ông T2 đang cư trú tại đường A, Phường Đ, thành phố Đ nên bà T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông T2, đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T1 cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015. Xét thấy trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử thì ông T2 cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với các nguyên nhân mâu thuẫn mà bà T1 đưa ra thể hiện mong muốn được đoàn tụ là thể hiện việc không thiện chí hàn gắn. Mặt khác việc ông T2 và bà T1 ly thân một thời gian dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn ông T2 là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Lê Khánh Đ, sinh ngày 18/9/2009 và cháu Phạm Lê Khánh T, sinh ngày: 31/3/2013. Do các con chung hiện nay đang sống cùng bà T1 và cháu Phạm Lê Khánh Đ cũng có nguyện vọng được sống cùng bà T1 nên giao 02 con chung cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Do bà T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà T1 xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung, còn ông T2 không có ý kiến nên không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí:* Bà T1 phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T1 về việc “Xin ly hôn” ông Phạm Xuân T2.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T1 và ông Phạm Xuân T2 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Lê Khánh Đ, sinh ngày 18/9/2009 và cháu Phạm Lê Khánh T, sinh ngày 31/3/2013 cho bà Lê Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông T2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Lê Thị T1 phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007984 ngày 26/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (bà T1 đã nộp đủ).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án (hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp Đ;
- Chi cục THADS Tp Đ;
- Các đương sự;
- UBND Phường C, TP Đ;
- Bộ phận Dân sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Báu